UBND TỈNH ĐỒNG THÁP **SỞ TƯ PHÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 111 /QĐ-STP	*Đồng Tháp, ngày 27 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho Văn phòng Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc Sở

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 44/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 1513/QĐ-UBND-HC ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho các đơn vị hành chính, sự nghiệp cấp Tỉnh;

Thực hiện Công văn số 497/STC-HCSN ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Sở Tài chính về việc thông báo kết quả thẩm tra phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho Văn phòng Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc Sở số tiền là 13.813.000.000 đồng (Mười ba tỷ, tám trăm mười ba triệu đồng), có bảng phụ lục kèm theo.

Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 được giao, Văn phòng Sở Tư pháp và các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng chuyên môn và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Như điều 3; - UBND Tỉnh; - Sở Tài chính; - Kho bạc NN tỉnh; - Các PGĐ Sở; - Lưu: VT, KT[Th].	**GIÁM ĐỐC** CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐỒNG THÁP **Lê Thị Hồng Phượng**

PHÂN BỔ DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2020
ĐƠN VỊ: SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số: 111 /QĐ-STP ngày 27/12/2019 của Giám đốc Sở Tư pháp)

Chương 414

ĐVT: đồng

NỘI DUNG	Tổng số	Văn phòng Sở Tư pháp	Phòng Công chứng số 1	Phòng Công chứng số 2	Phòng Công chứng số 3	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước
		1	2	3	4	5	6
I- Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	**11.716.272.000**	**1.730.000.000**	**4.270.000.000**	**2.460.000.000**	**1.346.272.000**	**1.910.000.000**	**0**
1. Số thu phí, lệ phí, khác	**11.716.272.000**	**1.730.000.000**	**4.270.000.000**	**2.460.000.000**	**1.346.272.000**	**1.910.000.000**	**0**
- Phí, lệ phí	9.130.000.000	1.730.000.000	4.000.000.000	2.200.000.000	1.200.000.000	0	
- Thu khác	2.586.272.000	-	270.000.000	260.000.000	146.272.000	1.910.000.000	
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, khác được để lại	**9.411.272.000**	**1.275.000.000**	**3.270.000.000**	**1.910.000.000**	**1.046.272.000**	**1.910.000.000**	**0**
- Phí, lệ phí	6.825.000.000	1.275.000.000	3.000.000.000	1.650.000.000	900.000.000	0	
- Thu khác	2.586.272.000	-	270.000.000	260.000.000	146.272.000	1.910.000.000	
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	**2.305.000.000**	**455.000.000**	**1.000.000.000**	**550.000.000**	**300.000.000**		**0**
- Phí, lệ phí	2.305.000.000	455.000.000	1.000.000.000	550.000.000	300.000.000	0	
- Thu khác				0	0		
II- Dự toán chi ngân sách nhà nước	**13.813.000.000**	**9.986.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.827.000.000**
Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	6.182.000.000	4.306.000.000	0	0	0	0	1.876.000.000
- Kinh phí không thực hiện tự chủ	7.631.000.000	5.680.000.000	0	0	0	0	1.951.000.000
1. Quản lý hành chính	**4.890.000.000**	**4.890.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1.1- Kinh phí thực hiện tự chủ	4.306.000.000	4.306.000.000					
1.2- Kinh phí không thực hiện tự chủ	584.000.000	584.000.000					
2. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	**1.800.000.000**	**1.800.000.000**					
2.1- Kinh phí thực hiện tự chủ							
2.2- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.800.000.000	1.800.000.000					

NỘI DUNG	Tổng số	Văn phòng Sở Tư pháp	Phòng Công chứng số 1	Phòng Công chứng số 2	Phòng Công chứng số 3	Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản	Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước
		1	2	3	4	5	6
3. Sự nghiệp kinh tế	**7.123.000.000**	**3.296.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3.827.000.000**
3.1- Kinh phí thực hiện tự chủ	1.876.000.000						1.876.000.000
3.2- Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.980.000.000	3.296.000.000					1.684.000.000
3.3- Bổ sung có mục tiêu (kinh phí nhiệm vụ không thường xu	267.000.000						267.000.000
(Chính sách trợ giúp pháp lý theo QĐ 32/2016/QĐ-TTg: 267 triệu)							
Mã số đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước		**106.5805**	**107.2624**	**107.2346**	**107.2620**	**106.5809**	**106.5810**
Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		**0661**	**0661**	**0662**	**0673**	**0661**	**0661**

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2020

Đơn vị: Văn phòng Sở Tư pháp

Mã số đơn vị quan hệ ngân sách: 1065808

Mã Kho bạc nhà nước nơi giao dịch: 0661

(Kèm theo Quyết định số: 111 /QĐ-STP ngày 27/12/2019 của Giám đốc Sở Tư pháp)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Số tiền
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**1.730.000.000**
1	**Số thu phí, lệ phí, khác**	**1.730.000.000**
	Lệ phí hoạt động Công chứng; Thừa phát lại; Quốc tịch…	5.000.000
	Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp	1.725.000.000
	Khác (Quốc tịch, kết hôn, cấp bản sao…)	0
2	**Số thu phí, lệ phí, khác được để lại**	**1.275.000.000**
	Lệ phí hoạt động Công chứng; Thừa phát lại; Quốc tịch…	0
	Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp	1.275.000.000
	Khác (Quốc tịch, kết hôn, cấp bản sao…)	0
	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, khác được để lại	**1.275.000.000**
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	1.275.000.000
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**450.000.000**
	Lệ phí hoạt động Công chứng; Thừa phát lại; Quốc tịch…	5.000.000
	Phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp	450.000.000
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**9.986.000.000**
	Trong đó: - Kinh phí thực hiện tự chủ	4.306.000.000
	- Kinh phí không thực hiện tự chủ	5.680.000.000
341	***1. Quản lý hành chính***	**4.890.000.000**
	1.1- Kinh phí thực hiện tự chủ theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP	4.306.000.000
	1.2- Kinh phí không thực hiện tự chủ (chi quản lý hành chính)	584.000.000
338	***2. Chi Sự nghiệp kinh tế***	***3.296.000.000***
	2.1- Kinh phí không thực hiện tự chủ (sửa chữa hội trường ...)	3.296.000.000
098	***2. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề***	**1.800.000.000**
	2.1- Kinh phí thực hiện tự chủ	
	2.2- Kinh phí không thực hiện tự chủ	1.800.000.000

Ghi chú:

1. Kinh phí tự chủ: 4.306.000.000 đồng

- Chi thanh toán cá nhân: 3.244.296.000 đồng

(Bao gồm 28 biên chế và 06 hợp đồng lao động theo số biên chế được duyệt,

(dự toán đã trừ 40% nguồn thu: 126.000.000 đồng, 10% tiết kiệm chi thường xuyên: 70.000.000 đồng

để thực hiện điều chỉnh tiền lương theo quy định).

- Tiền lương 7 biên chế chưa có mặt: 361.704.000 đồng)

- Chi thường xuyên: 700.000.000 đồng 35 người x 20.000.000

2. Kinh phí không tự chủ: ≈ 5.680.000.000

**** Quản lý hành chính: 584.000.000 đồng***

- Duy trì chứng nhận ISO: 15.000.000 đồng
- Kinh phí hoạt động Đảng và Đại hội: 93.000.000 đồng
- Trang phục thanh tra: 11.000.000 đồng
- Chi phí nuôi con nuôi nước ngoài: 20.000.000 đồng } 111.000.000
- Chi phi giao tiếp: 80.000.000 đồng
- Mua 05 máy vi tính, 01 máy chủ: 215.000.000 đồng } Mua sắm 315.000.000
- Trang bị phòng họp trực tuyến: 100.000.000 đồng
- Chi phí sửa trụ Sở: 50.000.000 đồng.

**** Sửa chữa hội trường Sở Tư pháp: 3.296.000.000 đồng (chuyển TGPL, TTĐG)***

**** Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 1.800.000.000 đồng***

- Chi cho công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật (quản lý văn bản; Phổ biến giáo dục pháp luật; triển khai văn bản luật mới ban hành; tập huấn hòa giải ở cơ sở; văn phòng phẩm, cước bưu chính, chi công tác phí,…): 1.800.000.000 đồng